

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT
CHUYỂN ĐỔI VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày /3/2020 của Giám đốc Học viện)

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
1	Đình Quang Duy (Lớp: D17CQKT01-B MSV: B17DCKT029 Ngày sinh: 23/05/1999 CMT/CC: 013634451)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 810), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.2	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.9	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
2	Hà Thị Kim Quế (Lớp: D17CQKT01-B MSV: B17DCKT137 Ngày sinh: 18/05/1999 CMT/CC: 164645756)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 625), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.5	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
3	Vũ Huyền Trang (Lớp: D17CQKT02-B MSV: B17DCKT178 Ngày sinh: 23/10/1999 CMT/CC: 036199004748)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
4	Đinh Thị Thanh Vân (Lớp: D17CQKT02-B MSV: B17DCKT190 Ngày sinh: 01/12/1999 CMT/CC: 036199006400)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 590), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc (Lớp: D17CQKT03-B MSV: B17DCKT119 Ngày sinh: 07/12/1998 CMT/CC: 187753933)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
6	Tạ Thị Dung (Lớp: D17CQKT04-B MSV: B17DCKT024 Ngày sinh: 04/09/1999 CMT/CC: 017536855)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.9	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
7	Vũ Thị Ngọc (Lớp: D17CQMR01-B MSV: B17DCMR097 Ngày sinh: 08/12/1999 CMT/CC: 034199002248)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
8	Nguyễn Thị Trang (Lớp: D17CQMR01-B MSV: B17DCMR142 Ngày sinh: 02/11/1999 CMT/CC: 122281051)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.4	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.4	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
9	Trịnh Kiều Anh (Lớp: D17CQMR02-B MSV: B17DCMR011 Ngày sinh: 22/04/1999 CMT/CC: 017448403)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 655), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.5	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
10	Nguyễn Thị Duyên (Lớp: D17CQMR02-B MSV: B17DCMR029 Ngày sinh: 27/04/1999 CMT/CC: 125877657)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
11	Lê Thị Oanh (Lớp: D17CQMR02-B MSV: B17DCMR104 Ngày sinh: 28/10/1999 CMT/CC: 017439560)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	4.6	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.6	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
12	Đoàn Thị Duyên (Lớp: D17CQMR03-B MSV: B17DCMR027 Ngày sinh: 21/02/1999 CMT/CC: 036199004211)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.7	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 455), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.4	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.7	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
13	Vũ Thùy Duyên (Lớp: D17CQMR03-B MSV: B17DCMR030 Ngày sinh: 26/01/1999 CMT/CC: 034199000282)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 16/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 16/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.7	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.2	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
14	Nguyễn Thị Diệu Thắm (Lớp: D17CQMR03-B MSV: B17DCMR120 Ngày sinh: 06/06/1999 CMT/CC: 152275271)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS (điểm thi: 5), cấp ngày 02/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 02/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.3	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.2	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.2	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
15	Nguyễn Thùy Dương (Lớp: D17CQQT01-B MSV: B17DCQT029 Ngày sinh: 31/12/1999 CMT/CC: 034199001243)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 815), cấp ngày 13/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	8.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	7.9	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	7.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
16	Đặng Thị Hiền (Lớp: D17CQTT01-B MSV: B17DCTT035 Ngày sinh: 06/03/1999 CMT/CC: 030199001607)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
17	Vũ Thị Trang (Lớp: D17CQTT02-B MSV: B17DCTT096 Ngày sinh: 30/05/1999 CMT/CC: 001199016678)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 735), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.3	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.0	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	7.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
18	Phùng Quang Dũng (Lớp: D17CQDT03-B MSV: B17DCDT047 Ngày sinh: 27/09/1999 CMT/CC: 071053357)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 575), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	4.5	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.5	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
19	Nguyễn Tiến Dũng (Lớp: D17CQVT05-B MSV: B17DCVT085 Ngày sinh: 25/08/1999 CMT/CC: 001099002245)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 655), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
20	Hoàng Đức Anh (Lớp: D17CQVT01-B MSV: B17DCVT009 Ngày sinh: 04/09/1999 CMT/CC: 001099012575)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	2.1	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
21	Phùng Công Anh (Lớp: D17CQCN12-B MSV: B17DCCN048 Ngày sinh: 11/12/1999 CMT/CC: 001099004204)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 655), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
22	Nguyễn Hồng Cường (Lớp: D17CQCN04-B MSV: B16DCCN044 Ngày sinh: 10/12/1998 CMT/CC: 187690898)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 685), cấp ngày 24/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	8.5	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
23	Dương Xuân Hiếu (Lớp: D17CQCN10-B MSV: B17DCCN226 Ngày sinh: 14/09/1999 CMT/CC: 184316651)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 670), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.2	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	7.1	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
24	Nguyễn Văn Đạt (Lớp: D17CQC�N07-B MSV: B17DCCN115 Ngày sinh: 08/01/1999 CMT/CC: 001099012811)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 585), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.0	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.9	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
25	Nguyễn Phú Thịnh (Lớp: D17CQC�N02-B MSV: B17DCCN578 Ngày sinh: 23/03/1999 CMT/CC: 017461820)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 645), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	5.1	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	7.1	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
26	Bùi Quang Tuấn (Lớp: D17CQC�N12-B MSV: B17DCCN648 Ngày sinh: 01/10/1999 CMT/CC: 013687983)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 595), cấp ngày 12/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	9.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	V	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
27	Nguyễn Quốc Thái (Lớp: D17CQC�N04-B MSV: B17DCCN556 Ngày sinh: 04/11/1999 CMT/CC: 001099003579)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 795), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.5	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	8.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
28	Cao Sỹ Hải Long (Lớp: D17CQC�04-B MSV: B17DCCN388 Ngày sinh: 17/11/1999 CMT/CC: 001099014790)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 895), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	8.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	8.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	7.9	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	8.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	

Danh sách gồm 28 sinh viên

LẬP BIỂU

KT. GIÁM ĐỐC

Chu Phương Hiền

TS. Vũ Tuấn Lâm